TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 228/2024/DS-ST Ngày: 18-7-2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Lợi;

2. Bà Phạm Tú Nhi;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2024/TLST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 177/2024/QĐST - DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 250/2024/QĐST - DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số F đường N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà T vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: Số A, đường số B, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 08 tháng 3 năm 2024, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị Kim T trình bày:*

Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thanh T1 là vợ chồng. Do quen biết với bà T nên ngày 10/06/2023, ông Nguyễn Văn N có tìm bà T hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình thì bà T đồng ý. Việc vay tiền, ông N có viết và ký tên vào Giấy vay tiền (giấy vay tiền do ông N tự lập và ký tên rồi đưa bà T ký tên của bà

T). Hai bên không thỏa thuận về lãi, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 10/06/2023 (hạn trả là ngày 10/9/2023).

Tuy nhiên, khi đến hạn bà T nhiều lần liên hệ với ông N để yêu cầu trả tiền nhưng ông N hẹn hết lần này đến lần khác không trả tiền cho bà T. Sau đó, bà T có gọi điện thoại và nhắn tin nhiều lần nhưng ông N không nghe điện thoại và không trả lời tin nhắn. Bà T đến nhà tìm, ông N thấy bà T thì trốn không gặp nhiều lần. Bà T gặp vợ ông N (là bà T1) tại nhà yêu cầu hai vợ chồng ông N trả tiền nhưng bà T1 nói bà T đi kiện đi.

Việc ông N mượn tiền của bà T để giải quyết việc gia đình nhưng khi đến hạn không thanh toán mà còn thách thức bà T đi kiện là làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bà T nên bà T đã khởi kiện tại Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bà T xác nhận thực tế có cho vợ chồng ông N vay tiền và trên giấy vay tiền ông N có nói là sử dụng số tiền mượn vào việc của gia đình. Do tin tưởng nên không có yêu cầu bà T1 ký tên vào Giấy vay tiền nên không có chứng cứ xác định bà T1 có tham gia vào việc vay tiền. Do đó, bà T xin rút yêu cầu khởi kiện với bà Trần Thị Thanh T1 và chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà T.

Nay bà T yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N phải trả cho bà Võ Thị Kim T số tiền như sau:

+ Tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

+ Tiền lãi tính từ ngày quá hạn trả là ngày 11/09/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 18/7/2024 (10 tháng 07 ngày) với lãi suất 10%/năm là: 150.000.000 đồng x 10%/năm x 10 tháng 07 ngày = 12.791.667 đồng.

Như vậy cả gốc và lãi mà bà Võ Thị Kim T yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải trả là: 162.791.667 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thanh T1:* Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thanh T1 có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thanh T1 không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quá trình vay mượn tiền, cũng như việc trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thanh T1.

Quá trình xác minh, bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thanh T1 đang sinh sống tại số A, đường số B, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Võ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thanh T1 có địa chỉ tại số A, đường số B, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương thanh toán tiền nợ vay. Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị Kim T vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 10/6/2024, ngày 28/6/2024 và 18/7/2024 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thanh T1 không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quá trình vay mượn tiền, cũng như việc trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[1.4] Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thanh T1 có trách nhiệm thanh toán nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, tại Bản ý kiến ngày 17/7/2024, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn bà Võ Thị Kim T. Việc thay đổi của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 10/6/2023 và trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định: Ngày 10/06/2023, ông Nguyễn Văn N có vay bà Võ Thị Kim T số tiền 150.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận về lãi, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 10/06/2023 (hạn trả là ngày 10/9/2023). Tuy nhiên, nay đã quá thời hạn ngày 10/9/2023 nhưng ông Nguyễn Văn N vẫn chưa thanh toán nợ cho bà Võ Thị Kim T.

[2.1] Về tiền nợ gốc: Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*…". Bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả

nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác".*

Tại Giấy vay tiền ngày 10/6/2023, giữa ông N và bà T thể hiện hai bên không thoả thuận lãi suất, thời hạn trả là sau ngày 10/9/2023. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn vay nhưng ông N không trả tiền vay cho bà T như đã thoả thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả cho nguyên đơn với mức lãi suất 10 %/năm, tính từ ngày 11/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể, bị đơn phải thanh toán tiền lãi như sau: 150.000.000 đồng x 10%/năm x 10 tháng 07 ngày = 12.791.667 đồng (mười hai triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông N phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Văn N thanh toán cho bà Võ Thị Kim T số tiền tổng cộng là: 162.791.667 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), bao gồm:

+ Tiền nợ gốc: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

+ Tiền lãi tính từ ngày 11/09/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 18/7/2024 là: 12.791.667 đồng (mười hai triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 8.139.583 đồng (tám triệu một trăm ba mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Kim T số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002744 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hải Nam